

Đầu tư trực tiếp nước ngoài tại Đà Nẵng - thực trạng và giải pháp

PHẠM THANH KHIẾT

Dà Nẵng nằm ở khu vực trung tâm của vùng kinh tế trọng điểm miền Trung, đồng thời là điểm cuối của tuyến hành lang Đông - Tây dài 1450km, nối từ cảng Đà Nẵng đến Lào - Thái Lan - Myanma. Đà Nẵng được Trung ương xác định là thành phố đóng vai trò hạt nhân tăng trưởng, tạo động lực phát triển cho cả khu vực miền Trung - Tây Nguyên.

Từ khi trở thành thành phố trực thuộc Trung ương năm 1997 đến nay, Đà Nẵng đã khai thác các nguồn lực trong và ngoài nước cho đầu tư phát triển và đã đạt được nhiều thành tựu về kinh tế, xã hội. Bài viết này chỉ đề cập đến việc thu hút và hoạt động FDI (đầu tư trực tiếp nước ngoài) trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.

1. Tình hình thu hút vốn FDI tại thành phố Đà Nẵng

Ngày 01-01-1997, thành phố Đà Nẵng trực thuộc Trung ương đã tiếp nhận 44 dự án đầu tư nước ngoài còn hoạt động với số vốn cam kết 443,6 triệu USD, vốn thực hiện 140 triệu USD.

Đến ngày 31-12-2006, trên địa bàn thành phố Đà Nẵng có 93 dự án đầu tư nước ngoài với tổng số vốn đăng ký 940.319.494 USD, vốn thực hiện 311 triệu USD, chiếm 31,28% tổng số vốn đầu tư. Đặc biệt, trong giai đoạn 2001 - 2006, Đà Nẵng đã thu hút thêm 60 dự án cấp mới, số vốn đầu tư là 656,678 triệu USD, chiếm 66,06% tổng số vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài đăng ký tại Đà Nẵng.

BẢNG 1: Đầu tư trực tiếp nước ngoài tại Đà Nẵng giai đoạn 1999-2000

Năm	Số dự án cấp mới	Số dự án tăng vốn	Vốn đầu tư (USD)
1999	01	0	1.580.000
2000	01	0	1.500.000
2001	06	03	28.843.000
2002	08	0	51.860.000
2003	12	01	75.606.000
2004	09	03	62.427.550
2005	19	05	142.971.400
2006	16	03	433.573.059

Nguồn: Trung tâm xúc tiến đầu tư Đà Nẵng.

Số vốn đầu tư bình quân cho một dự án những năm sau này tăng cao hơn trước. Giai đoạn 1997-2000, mức vốn bình quân cho một dự án là 1.299.515 USD. Giai đoạn 2001-2006 tăng lên 10.944.000 USD/dự án.

FDI tại Đà Nẵng tập trung chủ yếu vào các ngành công nghiệp, dịch vụ.

Phạm Thanh Khiết, PGS,TS, Học viện Chính trị khu vực III - Đà Nẵng.

BẢNG 2: Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài phân theo ngành tại Đà Nẵng

Lĩnh vực	Số dự án	Tỷ trọng (%)	Số vốn (USD)	Tỷ trọng (%)
Công nghiệp	60	65,5	468.031.961	49,8
Dịch vụ	24	25,8	452.313.533	48,1
Nông-lâm-thủy sản	09	9,7	19.974.000	2,1
<i>Tổng cộng</i>	93	100	940.319.494	100

Nguồn: Trung tâm xúc tiến đầu tư Đà Nẵng.

Về địa điểm đầu tư, trong 93 dự án có vốn FDI còn hoạt động thì có 46 dự án nằm trong các khu công nghiệp và 47 dự án nằm ngoài các khu công nghiệp.

Về hình thức đầu tư, loại hình 100% vốn FDI chiếm tỷ trọng lớn nhất với 67 doanh nghiệp, tổng số vốn đầu tư là 669,6 triệu USD, chiếm 72% số dự án và 71,2% số vốn đầu tư. Hình thức liên doanh có 24 doanh nghiệp, tổng số vốn đầu tư là 267,4 triệu USD chiếm 25,8% số dự án và 28,43% số vốn đầu tư. Số còn lại là hình thức hợp đồng hợp tác kinh doanh.

Về đối tác đầu tư, có 23 quốc gia và vùng lãnh thổ đầu tư vào Đà Nẵng. Trong đó có một số nước dẫn đầu về số vốn đầu tư đăng ký như: Mỹ chiếm 15,45%; British Virgin Islands 14,46%; Hàn Quốc 10,68%; Hồng Kông 10,52%; Nhật Bản 9,3%. Ngoài ra, đến ngày 31-12-2006 đã có 135 chi nhánh, văn phòng giao dịch, kho trung chuyển của doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài đang hoạt động tại Đà Nẵng.

FDI tại Đà Nẵng có tác động tích cực đến sự phát triển kinh tế, xã hội của thành phố:

- Bổ sung nguồn vốn đáng kể cho quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa thành phố Đà Nẵng. Trong 10 năm (từ năm 1997

đến năm 2006) tổng nguồn vốn đầu tư xã hội trên địa bàn thành phố Đà Nẵng khoảng 40.000,0 tỷ đồng, trong đó vốn FDI thực hiện khoảng 5000,0 tỷ đồng, chiếm 12,7% tổng nguồn vốn đầu tư. Trong khi thành phố thiếu vốn thì đây là một nguồn bổ sung quan trọng.

- Thu hút FDI, thành phố Đà Nẵng có điều kiện học tập kinh nghiệm, nâng cao trình độ tổ chức quản lý, thu hút công nghệ tiên tiến để phát triển các ngành truyền thống và khai thác, sử dụng có hiệu quả các nguồn tài nguyên và lợi thế của thành phố, nhất là công nghiệp và du lịch.

- FDI tại Đà Nẵng đã góp phần làm cho môi trường kinh doanh năng động, thúc đẩy mở rộng thị trường trong và ngoài nước, tạo điều kiện cho Đà Nẵng tham gia sâu rộng hơn vào thị trường khu vực và thế giới. Đến nay, Đà Nẵng có quan hệ kinh tế, thương mại với 90 nước và vùng lãnh thổ trên thế giới, năm 2006 kim ngạch xuất khẩu đạt trên 600 triệu USD.

- Khu vực FDI tại Đà Nẵng hoạt động có hiệu quả làm tăng doanh thu và kim ngạch xuất khẩu, đóng góp cho ngân sách và góp phần giải quyết việc làm cho người lao động.

BẢNG 3: Kết quả hoạt động của doanh nghiệp có vốn FDI tại Đà Nẵng 1998-2006

Năm	1998	2001	2005	2006
Doanh thu (triệu USD)	87,1	88,9	145	175
Kim ngạch XK (triệu USD)	60,2	58,4	95,7	125
Nộp ngân sách (triệu USD)	9,20	10,4	14,5	14,0
Tạo việc làm (người)	9.857	13.533	22.800	24.800

Nguồn: Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Đà Nẵng.

Riêng năm 2006, khu vực có vốn đầu tư nước ngoài đóng góp đáng kể cho thành phố Đà Nẵng.

BẢNG 4: Đóng góp của khu vực kinh tế có vốn FDI tại Đà Nẵng năm 2006

GDP của khu vực ĐTNN/tổng GDP của Đà Nẵng	KNXK của khu vực ĐTNN/tổng KNXK của Đà Nẵng	GTSX CN của khu vực ĐTNN/tổng GTSX CN của Đà Nẵng	Thu NS của khu vực ĐTNN/tổng thu NS của Đà Nẵng
6,72	25,73	17,9	4,20

Nguồn: Cục Thống kê thành phố Đà Nẵng.

Đến năm 2006, khu vực có vốn FDI tại Đà Nẵng đã tạo ra: 6,72% GDP; 25,73% giá trị xuất khẩu; 17,9% giá trị sản xuất công nghiệp; đóng góp 4,2% tổng thu ngân sách cho thành phố Đà Nẵng.

- FDI thúc đẩy kinh tế tăng trưởng và chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng tiến bộ.
Tốc độ tăng trưởng GDP bình quân giai

đoạn 1997-2006 là 11,56%/năm, trong đó giá trị sản xuất công nghiệp tăng trưởng trên 17%/năm; qui mô GDP của thành phố Đà Nẵng năm 2006 tăng 1,95 lần so với năm 1996.

Cơ cấu GDP của Đà Nẵng chuyển dịch theo hướng giảm tỷ trọng nông nghiệp, tăng tỷ trọng công nghiệp, dịch vụ.

BẢNG 5: Cơ cấu GDP theo ngành, lĩnh vực (giá thực tế, %)

Ngành	1997	2000	2005	2006
Công nghiệp - xây dựng	35,19	40,59	50,81	49,95
Dịch vụ	55,11	51,55	44,00	45,88
Nông - lâm - thủy sản	9,70	7,86	5,19	4,17

Nguồn: Cục Thống kê thành phố Đà Nẵng.

Tuy nhiên, việc thu hút và hoạt động của khu vực kinh tế có vốn FDI tại Đà Nẵng còn những hạn chế nhất định:

- Số dự án và số vốn FDI còn ít, chưa tương xứng với vị trí, tiềm năng và lợi thế của thành phố Đà Nẵng. Là thành phố loại I trực thuộc Trung ương, Đà Nẵng đóng vai trò động lực, hạt nhân tăng trưởng cho cả khu vực miền Trung - Tây Nguyên, có nhiều lợi thế, nhưng đến nay chỉ thu hút được 1,18% về số dự án và 1,15% số vốn đăng ký FDI của cả nước còn hiệu lực, đứng thứ 13/65 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

- Qui mô vừa và nhỏ chiếm đa số, những doanh nghiệp đầu tư lớn chưa nhiều.

Về vốn đăng ký, qui mô vốn bình quân cho một dự án thấp, khoảng 1,3 triệu

USD/dự án những năm 1997 - 2000 và 11 triệu USD/dự án giai đoạn 2001 - 2006. Vốn thực hiện của các doanh nghiệp FDI còn thấp, dưới 1 triệu USD chiếm 66,6%, từ 1-10 triệu USD chiếm 25,8%, số doanh nghiệp có mức vốn thực hiện trên 10 triệu USD chỉ có 6,4%.

- Về ngành nghề, lĩnh vực đầu tư chưa hoàn toàn phù hợp với yêu cầu mong muốn.

Khu vực có vốn FDI tập trung chủ yếu vào những ngành, lĩnh vực có khả năng thu lợi nhuận, thu hồi vốn nhanh, khai thác thị trường trong nước thuận lợi, đầu tư kỹ thuật, công nghệ trung bình, đơn giản (như: công nghiệp chế biến, sản xuất bia rượu, nước giải khát, nhà hàng, khách sạn...), số dự án đầu tư vào công nghệ cao, tạo ra sản phẩm có hàm lượng chất xám cao, có lợi thế cạnh

tranh còn ít. Các ngành hàng xuất khẩu thu hút FDI tập trung phần lớn vào dệt may, da giày với công nghệ trung bình. Trong lĩnh

vực dịch vụ, chủ yếu là đầu tư vào du lịch, bất động sản, nhà hàng còn các lĩnh vực tài chính, giáo dục, tư vấn chưa có.

BẢNG 6: Đầu tư trực tiếp nước ngoài vào các ngành, lĩnh vực ở Đà Nẵng

Ngành, lĩnh vực	Số vốn đầu tư (USD)	% so với tổng vốn đầu tư
Du lịch, bất động	449.682.103	47,82
Dệt may, da giày, đồ chơi	142.803.000	15,18
CNTT, điện, điện tử	132.571.654	14,09
Đồ uống	75.500.000	8,02

Nguồn: Trung tâm Xúc tiến đầu tư Đà Nẵng.

- Hiệu quả chưa cao.

Trên địa bàn thành phố Đà Nẵng, hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp có vốn FDI chưa cao. Phần lớn doanh nghiệp đạt doanh thu ở mức dưới 5 triệu USD/năm, số doanh nghiệp đạt doanh thu trên 10 triệu USD/năm rất ít. Tỷ lệ giữa doanh thu và tổng vốn đầu tư của các doanh nghiệp có vốn FDI đạt 40,36% năm 2006.

- *Những hạn chế trên là do các nguyên nhân chủ yếu sau:*

- Khu vực miền Trung còn nhiều khó khăn.

Miền Trung nói chung, Đà Nẵng nói riêng có điều kiện tự nhiên khắc nghiệt, hạn hán, bão lụt thường xuyên, cơ sở hạ tầng lạc hậu, yếu kém - nhất là giao thông, năng lượng, gây nhiều quan ngại cho các nhà đầu tư.

Công tác qui hoạch còn nhiều hạn chế, bất cập, qui hoạch theo kiểu phong trào, mạnh ai nấy làm, không trên cơ sở phân công, hợp tác để khai thác lợi thế từng tỉnh, tạo nên sự phân tán, manh mún, sản xuất nhỏ. Hiện tại, ở miền Trung có 9 sân bay, 15 cảng biển trong khi nhu cầu vận tải, chuyên chở rất thấp.

Kinh tế các tỉnh miền Trung còn yếu kém, thu nhập và đời sống nhân dân thấp hơn hai đầu đất nước, thị trường nhỏ lẻ, kém hấp dẫn các nhà đầu tư.

- Chi phí đầu tư kinh doanh cao.

Do kết cấu hạ tầng lạc hậu, thị trường chưa hoàn thiện và đồng bộ nên chi phí cho sản xuất kinh doanh ở Đà Nẵng thường cao hơn ở Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh vì phải nhập máy móc, thiết bị, nguyên liệu từ các thành phố khác về.

Chi phí vận tải, bốc dỡ hàng hóa tại cảng Đà Nẵng cao hơn các nơi khác. Hiện nay chi phí vận chuyển 1 container 20" từ cảng Đà Nẵng đến Tokyo - Nhật Bản bằng đường biển trung bình cao hơn 300 USD và chậm hơn 3 ngày so với lộ trình đi bằng đường bộ từ Đà Nẵng đến cảng Sài Gòn rồi tiếp tục đi bằng đường biển đến cảng Tokyo. Chi phí cao làm giảm lợi nhuận, gây e ngại cho các nhà đầu tư nước ngoài. Thực tế cho thấy, đã có nhiều nhà đầu tư nước ngoài đến Đà Nẵng nhưng sau khi tìm hiểu họ đã thay đổi ý định và chuyển hướng đầu tư ở thành phố Hồ Chí Minh hoặc Hà Nội.

- Nguồn lao động vừa thiếu, vừa yếu.

Khu vực miền Trung và Đà Nẵng nhìn chung tiền lương trả cho người lao động thấp hơn so với Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh, nên lao động có xu hướng đi tìm việc làm ở nơi khác, nhất là lao động lành nghề để có thu nhập cao hơn. Mặt khác, lao động được đào tạo ở Đà Nẵng và khu vực miền Trung chất lượng chưa cao. Những điểm yếu của họ như trình độ thành thạo tay nghề còn ít, khả năng tiếp cận và sử dụng công nghệ cao chưa nhiều, trình độ ngoại ngữ kém, chưa có kinh nghiệm và trình độ tổ

chức, quản lý, chưa quen cung cách làm việc với người nước ngoài. Để đáp ứng yêu cầu công việc, các nhà đầu tư nước ngoài thường phải đào tạo lại hoặc thuê lao động nơi khác đến. Điều này có ảnh hưởng nhất định đến hoạt động sản xuất, kinh doanh, nhiều dự án triển khai thực hiện chậm, chi phí lớn.

- Công nghiệp phụ trợ và các dịch vụ sản xuất, đời sống yếu kém.

Công nghiệp phụ trợ rất quan trọng, đảm bảo phục vụ cho quá trình sản xuất lớn chuyên môn hóa. Đà Nẵng đã xây dựng 5 khu công nghiệp thu hút FDI nhưng công nghiệp phụ trợ còn nhỏ bé, chưa đáp ứng được yêu cầu. Ngành dệt may có lợi thế cạnh tranh của Đà Nẵng nhưng đến nay có gần 80% nguyên liệu vải, phụ liệu may phải nhập khẩu, chỉ có 5% được cung ứng tại thành phố Đà Nẵng.

Chất lượng các dịch vụ hỗ trợ đầu tư ở Đà Nẵng còn thấp. Các dịch vụ tiếp nhận, bốc xếp, vận chuyển hàng hóa, dịch vụ kho bãi, cung ứng nhu yếu phẩm cho các đơn vị vận tải của cảng Đà Nẵng còn mang tính thủ công, chậm chạp. Dịch vụ tài chính, ngân hàng chủ yếu theo kiểu truyền thống. Hệ thống thanh toán qua ngân hàng còn yếu kém, nhiều nhà đầu tư nước ngoài vẫn phải thanh toán bằng tiền mặt. Dịch vụ bảo hiểm hạn chế, chưa có công ty kiểm toán quốc tế nào hoạt động tại Đà Nẵng.

Các loại dịch vụ quan trọng phục vụ đời sống, sinh hoạt của các nhà đầu tư nước ngoài và gia đình họ như khách sạn, sân golf, các khu vui chơi giải trí, trường học, bệnh viện đạt tiêu chuẩn quốc tế còn ít hoặc chưa có. Thành phố Đà Nẵng chưa có một bệnh viện nào đạt chuẩn quốc tế hoặc chưa có trường học nào đạt chuẩn quốc tế để con em người nước ngoài theo học. Đến nay, Đà Nẵng chỉ có 1 khách sạn 5 sao (Furama Resort), 1 khách sạn 4 sao (Sandy Beach) và 5 khách sạn 3 sao đạt chuẩn quốc tế, vì vậy chưa đáp ứng đủ nhu cầu lưu trú của khách nước ngoài.

- Thủ tục hành chính rườm rà, nhiều khâu gây khó khăn cho các nhà đầu tư.

Trước khi cấp giấy chứng nhận đầu tư, việc kiểm tra, xét duyệt, thẩm định còn gây phiền hà hoặc kéo dài. Sau khi có giấy phép đầu tư, các thủ tục về đất đai, đền bù, giải toả, giải phóng mặt bằng gặp nhiều khó khăn. Để có mặt bằng xây dựng nhà máy, nhà đầu tư phải thực hiện nhiều thủ tục, nhiều bước - như thuê vẽ qui hoạch tổng thể mặt bằng xây dựng, vẽ bản đồ địa chính, cắm mốc địa giới, bàn giao mốc trên thực địa, thu hồi đất, đền bù giải toả, ký hợp đồng thuê đất. Phải mất 3-4 tháng, thậm chí 7-8 tháng, nhà đầu tư mới làm xong các thủ tục này. Mặc dầu chính quyền thành phố Đà Nẵng cam kết chịu mọi chi phí bồi thường thiệt hại và thực hiện bồi thường, giải phóng mặt bằng nhưng chưa có qui định cụ thể nên việc bàn giao cho nhà đầu tư còn kéo dài, chậm trễ, ảnh hưởng đến cơ hội kinh doanh.

Giai đoạn xây dựng nhà máy, thực hiện hoạt động sản xuất kinh doanh còn bị kiểm tra, thanh tra của một số ban ngành, địa phương. Những vấn đề trên làm cho chi phí hành chính lớn, gây chậm trễ và nản lòng các nhà đầu tư.

- Sự phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị có liên quan đến FDI chưa thường xuyên, đồng bộ.

Thiếu sự hợp tác chặt chẽ, có trách nhiệm và nhiệt tình của các cơ quan, đơn vị thì sẽ khó thực hiện được cơ chế "một cửa" trong lĩnh vực FDI. Trong thực tế, sự phối hợp cả 3 giai đoạn: trước, trong và sau khi cấp giấy phép đầu tư chưa đồng bộ, thậm chí còn thiếu nhiệt tình - do chưa có sự nhận thức và phân công, phân cấp với những qui định cụ thể, rõ ràng. Điều này gây chậm trễ và khó khăn cho các nhà đầu tư.

2. Để tăng cường thu hút FDI vào thành phố, cần thực hiện những giải pháp cơ bản sau đây

- Tiếp tục tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức và ý thức trách nhiệm cho mọi người.

Làm cho mọi người nhận thức được tầm quan trọng của nguồn vốn FDI đối với sự phát triển kinh tế, xã hội của thành phố. Từ đó tạo ra sự thống nhất cao trong đội ngũ cán bộ các cấp, các ngành, nhất là bộ phận cán bộ có quan hệ đến lĩnh vực FDI.

Đối với đội ngũ cán bộ các ban ngành, nhất là bộ phận làm việc trong lĩnh vực FDI, phải xác định trách nhiệm rõ ràng, thực thi nhiệm vụ một cách trung thực, khẩn trương, tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động FDI: không được quan liêu, cửa quyền, không được lợi dụng gây phiền hà, tiêu cực. Nhà nước cần phân công, phân cấp, qui định chức năng, nhiệm vụ cụ thể cho các ban ngành, lĩnh vực; đồng thời có cơ chế kiểm tra, giám sát việc thực thi của từng bộ phận, gắn trách nhiệm, quyền lợi, nghĩa vụ của cán bộ, nhân viên.

Đối với người lao động, phải coi FDI là môi trường, là cơ hội có việc làm, tăng thu nhập, nhưng yêu cầu về trình độ chuyên môn, tay nghề rất khắc khe. Muốn tồn tại trong môi trường cạnh tranh ấy phải định hướng học tập, đào tạo, nâng cao trình độ cho mình.

Đối với người dân, phải ủng hộ tích cực, tham gia cùng với chính quyền nhanh chóng thực hiện các chủ trương di dời, giải toả đền bù, giải phóng bất bằng, tạo điều kiện thuận lợi cho các nhà đầu tư nước ngoài xây dựng nhà máy, hoạt động sản xuất kinh doanh.

- Tăng cường công tác tuyên truyền quảng bá hình ảnh thành phố Đà Nẵng ra nhiều nước trên thế giới.

Nâng cao chất lượng công tác thông tin tiếp thị, hình ảnh của thành phố, nhằm giới thiệu cho các nước biết Đà Nẵng nằm ở vị trí nào, những tiềm năng, lợi thế của Đà Nẵng, nêu rõ cơ chế, chính sách của Trung ương và Đà Nẵng về thu hút FDI mà các nhà đầu tư quan tâm tìm kiếm, cả trong hiện tại và tương lai về Đà Nẵng.

Nâng cao chất lượng và hiệu quả sử dụng các công cụ marketing, bằng cách đa dạng hóa các ấn phẩm marketing về thành phố.

Làm các đoạn phim ngắn giới thiệu về Đà Nẵng. Thường xuyên liên lạc và gửi thư ngỏ cung cấp thông tin về sự phát triển của Đà Nẵng qua kênh thư điện tử trên internet đến các nhà đầu tư tiềm năng và các tổ chức kinh tế thương mại khác. Thông tin và quảng cáo môi trường đầu tư ở Đà Nẵng thông qua các báo, tạp chí bằng tiếng Anh, tiếng Pháp. Tất cả nhằm giới thiệu hình ảnh một Đà Nẵng có tiềm năng, có điều kiện hấp dẫn và môi trường thân thiện, có triển vọng cho hoạt động đầu tư.

- Đẩy mạnh các hoạt động xúc tiến đầu tư.

Đa dạng hóa các phương thức tổ chức xúc tiến đầu tư.

Tổ chức hoặc tham gia các cuộc hội thảo về xúc tiến đầu tư ở trong và ngoài nước. Thông qua hội chợ, triển lãm nhằm giới thiệu cơ hội đầu tư cho các đối tác. Tổ chức gặp gỡ trực tiếp với các nhà đầu tư kể cả ở trong và ngoài nước. Tổ chức các đoàn vận động đầu tư do lãnh đạo thành phố dẫn đầu, hoặc tham gia vào các đoàn cấp cao của Nhà nước đi thăm và vận động đầu tư ở nước ngoài. Thành lập thêm các văn phòng đại diện của thành phố Đà Nẵng ở các nước. Quan hệ chặt chẽ với tham tán thương mại của Việt Nam ở nước ngoài.

Tăng cường mối quan hệ hợp tác hỗ trợ có hiệu quả công tác xúc tiến đầu tư. Đối với các cơ quan đơn vị trên địa bàn thành phố Đà Nẵng, cần làm tốt chức năng, nhiệm vụ của mình và quan hệ chặt chẽ thông qua Trung tâm Xúc tiến đầu tư Đà Nẵng. Đối với các cơ quan Trung ương, Trung tâm xúc tiến đầu tư Đà Nẵng cần quan hệ mật thiết với Bộ Kế hoạch và Đầu tư, với Cục Đầu tư nước ngoài và Trung tâm Xúc tiến đầu tư miền Trung, nhằm tranh thủ sự hỗ trợ của các cấp trong công tác xúc tiến đầu tư. Tăng cường quan hệ với các tổ chức xúc tiến đầu tư nước ngoài như JETRO, JICA Nhật Bản, KOTRA Hàn Quốc... để học tập kinh nghiệm, tranh thủ sự tài trợ và giúp đỡ của họ trong việc đào tạo cán bộ, nâng cao năng lực xúc tiến đầu tư.

- *Thực hiện chính sách hỗ trợ các nhà đầu tư nước ngoài.*

Hỗ trợ các nhà đầu tư trước khi cấp giấy phép đầu tư như: cung cấp thông tin mà các nhà đầu tư cần tìm hiểu; giới thiệu hoặc định hướng các lĩnh vực, ngành nghề và địa điểm đầu tư, tạo điều kiện cho họ tham quan, tìm hiểu cụ thể; tạo điều kiện cho các nhà đầu tư gặp gỡ, tiếp xúc với các ban ngành, cơ quan địa phương, cơ sở.

Hỗ trợ trong khi cấp giấy phép đầu tư: cần hướng dẫn cho các nhà đầu tư về qui trình làm việc, cách thức, thủ tục làm hồ sơ, các thủ tục cấp giấy phép, thủ tục pháp lý, các ưu đãi đầu tư; các cơ quan chức năng phải làm đúng qui định, bảo đảm thời gian xét duyệt, thẩm định các dự án đầu tư, không được kéo dài thời hạn.

Hỗ trợ triển khai dự án sau khi có giấy phép đầu tư: cần hướng dẫn các nhà đầu tư triển khai các hoạt động - như xây dựng nhà máy, nhập khẩu máy móc, thiết bị, thuê mướn lao động...; hỗ trợ chi phí cho di dời, giải phóng mặt bằng, xây dựng kết cấu hạ tầng trong các khu công nghiệp. Chính quyền thành phố cùng đồng hành với doanh nghiệp: thường xuyên quan hệ, giúp đỡ các nhà đầu tư, cùng nhau tháo gỡ các vướng mắc, tạo thuận lợi cho các doanh nghiệp hoạt động; cung cấp thông tin về sự phát triển của các thành phố và các chính sách của Nhà nước để các nhà đầu tư xem xét để họ có thể tăng vốn đầu tư, mở rộng qui mô sản xuất kinh doanh.

- *Xây dựng và hoàn thiện kết cấu hạ tầng theo hướng đồng bộ, hiện đại nhất là trong các khu công nghiệp.*

Đà Nẵng cần xây dựng đường cao tốc Đà Nẵng - Quảng Ngãi. Mở rộng, nâng cấp đường 14 nối hành lang Đông - Tây. Hoàn thiện hệ thống mạng lưới tải điện, tăng cường năng lượng điện cho sản xuất. Xây dựng Đà Nẵng thành Trung tâm Bưu chính viễn thông và Công nghệ thông tin của miền Trung - Tây Nguyên. Nâng cấp sân bay và cảng biển Đà Nẵng theo hướng hiện đại, ngang tầm các nước khu vực.

Đối với các khu công nghiệp, cần hoàn thiện cơ sở hạ tầng kỹ thuật ở các khu công nghiệp Hoà Khánh giai đoạn II, khu công nghiệp Liên Chiểu giai đoạn II, khu công nghiệp Hoà Cầm, khu dịch vụ Thủy sản Đà Nẵng. Tập trung đầu tư hoàn chỉnh các hàng mục như: đường giao thông, hệ thống điện nước, thông tin liên lạc, hệ thống nhà xưởng, kho bãi, hệ thống xử lý nước thải, rác thải. Thành phố cần chú ý đến hệ thống xử lý chất thải ở các khu công nghiệp để bảo vệ môi trường, bảo đảm sự phát triển bền vững. Ngoài ra, còn phải xây dựng hoàn thiện các công trình kết cấu hạ tầng ở ngoài hàng rào các khu công nghiệp, tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động đầu tư.

- *Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực.*

Đối với cán bộ quản lý hành chính các cấp từ thành phố đến quận huyện, xã phường: phải bảo đảm trình độ đại học, trình độ chuyên môn, có năng lực tổ chức quản lý, có trình độ lý luận chính trị trung, cao cấp. Nâng cao tinh thần, ý thức trách nhiệm, phải thật sự liêm chính, chí công vô tư, tận tụy phục vụ vì sự phát triển của thành phố.

Đối với cán bộ có quan hệ trực tiếp đến hoạt động đầu tư nước ngoài; phải được đào tạo, đào tạo lại trong các lĩnh vực chuyên môn, nâng cao trình độ tổ chức quản lý, giỏi ngoại ngữ, có khả năng tiếp cận, học tập kinh nghiệm của nước ngoài, xử lý hoặc giải quyết tốt các yêu cầu, vướng mắc của đối tác nước ngoài.

Đối với người lao động: phải đào tạo công nhân kỹ thuật, nhất là công nhân lành nghề có khả năng sử dụng công nghệ hiện đại; nâng cao trình độ ngoại ngữ và rèn luyện đạo đức, tác phong công nghiệp cho người lao động.

Nâng cao chất lượng của Trường Đại học Đà Nẵng và các trường dạy nghề. Mở rộng quan hệ quốc tế trong công tác đào tạo. Đào tạo theo yêu cầu, chú trọng trang bị kiến thức về tổ chức quản lý, về công tác xúc tiến đầu tư, về luật pháp, tin học, ngoại ngữ.

Lựa chọn một số cán bộ trẻ có triển vọng cho đi đào tạo ở nước ngoài. Về lâu dài, thành phố phải có qui hoạch đào tạo cán bộ, công nhân kỹ thuật có khả năng tiếp cận trình độ quản lý tiên tiến và công nghệ hiện đại để đáp ứng yêu cầu hoạt động FDI tại Đà Nẵng.

- *Tiếp tục cải cách thủ tục hành chính trong lĩnh vực đầu tư nước ngoài.*

Thực hiện tốt cơ chế “một cửa liên thông” trong việc giải quyết thủ tục đầu tư đối với các dự án FDI trên địa bàn thành phố Đà Nẵng. Đề án này đã được UBND thành phố Đà Nẵng phê duyệt tại Quyết định số 1042/QĐ-UB ngày 02-02-2007. Đề án này qui định: các dự án đầu tư của cá nhân, tổ chức nước ngoài đầu tư ngoài khu công nghiệp, chỉ thông qua một đầu mối duy nhất là Trung tâm Xúc tiến đầu tư Đà Nẵng. Mọi việc tiếp nhận, quan hệ với các ban ngành, xét duyệt, thẩm định, trả kết quả đều do Trung tâm này thực hiện.

Sử dụng công nghệ thông tin kết hợp với việc công khai hóa chính sách để tăng thêm tính minh bạch rõ ràng, vừa hạn chế việc đi lại nhiều lần của các nhà đầu tư, vừa loại bỏ sự chông chéo, tắc trách, cửa quyền, tham nhũng, tạo môi trường lành mạnh trong việc thu hút và hoạt động đầu tư nước ngoài trên địa bàn thành phố Đà Nẵng./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

1. Báo cáo năm 2006 của Ban quản lý các khu công nghiệp và khu chế xuất Đà Nẵng.
2. Báo cáo tình hình đầu tư nước ngoài tại Việt Nam 1986-2006 của Cục đầu tư nước ngoài - Bộ Kế hoạch và Đầu tư.
3. Các báo cáo về đầu tư nước ngoài tại Đà Nẵng của Sở Kế hoạch và Đầu tư, Trung tâm xúc tiến đầu tư Đà Nẵng 2005, 2006.
4. Cục Thống kê thành phố Đà Nẵng: 10 năm thành tựu và phát triển, tháng 11-2006.
5. Niên giám thống kê toàn quốc năm 2005.
6. Niên giám thống kê thành phố Đà Nẵng 2005.
7. UBND thành phố Đà Nẵng: Chương trình mở rộng và nâng cao hiệu quả công tác đối ngoại và kinh tế đối ngoại, tháng 7-2004.
8. UBND thành phố Đà Nẵng: Báo cáo Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế-xã hội thành phố Đà Nẵng thời kỳ 2001-2010.
9. UBND thành phố Đà Nẵng: Kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội, quốc phòng an ninh trên địa bàn thành phố Đà Nẵng năm 2006-2010.
10. UBND thành phố Đà Nẵng: Báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch năm 2006 và kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội, quốc phòng an ninh năm 2007.
11. Viện Chiến lược, Bộ Kế hoạch và Đầu tư: Chiến lược phát triển kinh tế-xã hội Việt Nam 2001-2010.
12. Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Đà Nẵng: Báo cáo tình hình cấp giấy phép đầu tư đầu năm 2006 đến nay trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.
13. Nghị quyết 33-NQ/TƯ của Bộ chính trị ngày 16-10-2003 về xây dựng và phát triển thành phố Đà Nẵng trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.
14. Thông tin nội bộ - Ban tuyên giáo thành ủy Đà Nẵng: 30 năm ngày giải phóng thành phố Đà Nẵng, số 3-2005.
15. Thành phố Đà Nẵng 30 năm xây dựng và phát triển 1975-2005 của Cục Thống kê thành phố Đà Nẵng, 2005.